

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở gia công cơ khí chính xác tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3017/STNMT-CCBVMT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở gia công cơ khí chính xác tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An; Văn bản số 1201/CV-VBA ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 52/TTr-TNMT ngày 19 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở gia công cơ khí chính xác (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng

01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Hưng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Cơ sở gia công cơ khí chính xác tại xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm
Giàng, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở gia công cơ khí chính xác.
- Địa điểm thực hiện: xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty TNHH một thành viên Việt Bảo An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích thực hiện dự án: 25.303m² thuộc địa phận xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Quy mô công suất của dự án: Gia công cơ khí chính xác quy mô 14.640 tấn/năm, bao gồm:

+ Gia công linh phụ kiện cơ khí từ sắt thép (khớp nối, bánh răng, bản lề, đai ốc, thanh ren, bulong, ốc vít...) quy mô: 13.200 tấn/năm.

+ Gia công các nhóm sản phẩm khác (khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...) quy mô 1.440 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình sản xuất bu lông, đai ốc, ốc vít:

Nguyên liệu (thép thanh tròn) → Gia công CNC → Tiện, cán ren → Lưu kho/Thuê đơn vị thứ cấp xử lý bề mặt/xuất bán.

- Quy trình sản xuất khớp nối, bánh răng:

Nguyên liệu (Phôi bánh răng bằng thép) → Gia công tiện CNC → Lưu kho/Thuê đơn vị thứ cấp xử lý bề mặt/xuất bán.

- Quy trình sản xuất bản lề:

Nguyên liệu (thép lá) → Cầu nâng → Xả cuộn → Đột dập → Khoan lỗ vát → Kiểm tra → Lắp ráp → Đóng gói → Lưu kho/Thuê đơn vị thứ cấp xử lý bề mặt/xuất bán.

- Quy trình gia công then, chốt cài cửa:

Nguyên liệu (thép lá) → Cầu nâng → Xả cuộn → Đột dập) }
Nguyên liệu (thép thanh) → Cắt → Gia công CNC) → Uốn } → Lắp ráp

→ Kiểm tra → Đóng gói → Xuất hàng

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Hạng mục công trình

+ Hạng mục công trình chính: Nhà điều hành (400m²); nhà xưởng 1 (4620 m²); Nhà xưởng 2 (4280 m²).

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ 2 nhà (18 m²); nhà để xe văn phòng (112 m²); nhà để xe công nhân (18 m²); nhà ăn ca, nghỉ ca, vệ sinh công nhân (320 m²); hồ điều hòa + PCCC (1021 m²); trạm bơm PCCC (24 m²); trạm biến áp (76 m²); bãi để xe (420 m²) đường giao thông nội bộ (8218 m²); bồn hoa, cây xanh (5510 m²).

b) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: khu vệ sinh (48 m²); bể xử lý nước thải công suất 10m³/ngày đêm (50 m²); kho chứa chất thải rắn (bố trí trong nhà xưởng sản xuất số 1) (20 m²); kho chứa chất thải nguy hại (bố trí trong xưởng sản xuất số 1) (20 m²);

c) Thiết bị sản xuất chính của Dự án: 05 máy CNC đa năng ba chiều Puma 2600SY; 05 máy CNC đa năng hai chiều Puma 480XLM; 05 máy CNC đa năng đa chiều Puma TT1800SY; 05 máy tiện bàn; 08 máy cán ren tự động; 05 máy uốn, dập tự động; 05 máy đột dập; 04 xe nâng; 02 máy dỡ cuộn và 01 bộ thiết bị văn phòng.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn sinh khối, nạo vét bùn, bóc lớp phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa).

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Hoạt động vận hành Dự án gồm: Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động sản xuất và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 25.303m² đã được HĐND tỉnh Hải Dương cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 về việc chấp thuận thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình phát triển kinh tế xã hội, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án công trình bổ sung năm 2020.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng 25.303m² đất trồng lúa nước 02 vụ.

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất: Hoạt động gia công linh phụ kiện cơ khí từ sắt thép như khớp nối, bánh răng, bản lề, khóa cửa, chốt cài,... phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể phốt, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,45 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công khoảng 4m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS và dầu mỡ.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 3,7 m³/ngày trong giai đoạn san lấp mặt bằng và 0,7m³/ngày trong giai đoạn thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS và dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: 949,4 lít/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân với lưu lượng khoảng 7,74 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải từ hoạt động thi công san nền; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; từ hoạt động của các máy móc thi công; từ hoạt động bốc dỡ nguyên, vật liệu; từ hoạt động thi công xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO₂, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án; hoạt động sản xuất phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂, VOC_s.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, các thùng chứa rác. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NH₃, H₂S.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ: khoảng 01 tấn.

- Bùn đất hữu cơ từ quá trình nạo vét, bóc tách tầng hữu cơ bề mặt: khoảng 3.684 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 102,01 tấn. Thành phần gồm vỏ bao xi măng, cặn vữa, bê tông thừa, đầu mẩu sắt thép, dây thép, cốp pha hỏng, gạch, đá.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilong, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn trong quá trình sản xuất: Khối lượng phát sinh khoảng 6.313,2 kg/năm bao gồm sản phẩm lỗi 1.440 kg/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 16,8 m³/năm; bao bì carton, túi nilong, thùng xốp 2.888kg/năm; thép buộc 635,2kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 83 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 394kg. Thành phần gồm: vỏ thùng sơn 50kg; dầu mẫu que hàn thải 24kg; bao bì cứng thải bằng kim loại có thành phần nguy hại 20kg; dầu, nhớt thải 200kg; tấm thấm dầu, giẻ dính dầu 100kg.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 1.415.560 kg/năm. Thành phần gồm giẻ lau dính dầu mỡ, hóa chất 1.350kg/năm; bóng đèn huỳnh quang thải 20kg/năm; dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải 500kg/năm; thùng chứa, bao bì thải có thành phần nguy hại (thùng chứa dầu thải) 500kg/năm; dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình, quá trình cắt 27.600 kg/năm; bavaria, phoi, mặt kim loại nhiễm dầu 1.438.560 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra vào dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất tại 02 nhà xưởng sản xuất chính, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố các công trình xử lý nước thải

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- *Nước thải sinh hoạt*: Bố trí 03 nhà vệ sinh lưu động, dung tích 1 m³/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định..

- *Nước mưa chảy tràn*: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí hố ga lắng chặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- *Nước thải thi công*:

+ Nước thải rửa xe: Xây dựng 02 hố ga (kích thước $B \times L \times H = 2m \times 2m \times 1,2m$ và $2m \times 1m \times 1m$). Nước được thu gom, lắng chặn và vớt váng dầu tại hố ga lớn ($2m \times 2m \times 1,2m$) sau đó bơm sang hố ga nhỏ. Hố ga nhỏ dung tích $2m^3$ để làm hố bơm, sử dụng bơm để bơm hút nước thoát ra hệ thống thoát nước thải thi công chung. Dầu mỡ thu được xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

+ Đối với nước thải thi công: thu gom về hố ga có kích thước $1m \times 1m \times 1m$ để lắng đọng đất, cát trước khi thải xuống hồ điều hòa phía Tây Nam dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại có tổng thể tích $43m^3$. Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn vào đường ống nhựa HPDE D300, chiều dài 450m, độ dốc 0,2% về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất $10 m^3/ngày\đêm$ để xử lý đạt mức A, giá trị C_{max} (với $K = 1,2$) của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất $10 m^3/ngày\đêm$:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể gom - điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể lọc vật liệu nổi → Bể khử trùng → Mương thoát nước phía Tây Nam dự án.

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả thải vào mương thoát nước góc phía Tây Nam của dự án.

- Phương thức xả thải: Tự chảy

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường: Đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, giá trị C_{max} với $K = 1,2$.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.

- Lắp dựng hàng rào quay tôn cao từ 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly và chống bụi.

- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.

- Bố trí cầu rửa xe khu vực công ra vào công trường để rửa sạch gầm, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quăng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ ngày; bê tông hóa các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực dự án.

- Thông thoáng nhà xưởng nhằm đảm bảo cho môi trường làm việc bằng biện pháp tự nhiên kết hợp với quạt hút.

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cho khu vực văn phòng.

- Lắp đặt và bố trí quạt công nghiệp và quạt thông gió tại xưởng sản xuất, kho.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải xây dựng: Gạch vụn, vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, sắt thép thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom tạm chứa trong ngày, sau đó thuê đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đến nơi tập kết của khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 2 thùng loại 120 lít và 2 thùng loại 60 lít tại nhà ăn ca; 8 thùng loại 10 lít đặt tại các khu văn phòng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương hàng ngày đến vận chuyển và xử lý theo quy.

- Chất thải rắn sản xuất: Thu gom, phân loại chất thải rắn sản xuất ngay tại nguồn. Bố trí kho chứa chất thải thông thường có diện tích 20m² trong nhà xưởng số 1. Bán tái chế với những loại chất thải có thể bán tái chế. Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ các hồ ga, bể phốt: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ từ 3-6 tháng/lần tới thu gom, nạo vét, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị 05 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng, có dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định để thu gom chất thải.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại vào mỗi thùng chứa riêng, bên ngoài thùng dán nhãn CTNH theo đúng quy định đặt trong khu vực chứa chất thải tạm thời diện tích khoảng 5m² tại công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải được phân loại tại nguồn, bố trí 14 thùng chứa bằng thép dung tích 01 m³ để chứa phoi thép và 05 thùng chứa có dung tích 120 lít bằng nhựa HDPE đặt tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20m² (bố trí trong nhà xưởng sản xuất số 1), có cửa ra vào, biển cảnh báo theo quy định. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí các máy móc có phát sinh tiếng ồn lớn xa khu dân cư gần nhất.

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các máy móc, phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.
- Bảo trì định kỳ và bôi trơn các bộ phận của máy giúp giảm tiếng ồn và duy trì hiệu suất hoạt động của máy.
- Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- 02 xưởng sản xuất chính được xây dựng cao, rộng, thiết kế tường bao quanh che chắn bằng vật liệu cách âm, thiết bị được đặt với khoảng cách hợp lý tránh hiện tượng cộng hưởng của tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ các phương tiện để phát hiện hỏng hóc và có phương án khắc phục kịp thời.
- Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động).
- Trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường: Đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sự cố cháy nổ: Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy, lắp đặt các biển báo đề phòng cháy nổ tại khu vực công trường thi công; không để các nguyên vật liệu dễ gây cháy gần nguồn phát sinh nhiệt. Phối hợp với cơ quan chức năng để rà phá bom mìn trước khi thi công xây dựng dự án.

- Sự cố an toàn lao động, an toàn giao thông: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân thi công, lắp dựng hàng rào tôn chắc chắn cao 2,5m xung quanh công trường thi công; đối với công nhân thi công phải được huấn luyện về an toàn lao động, an toàn giao thông.

- Sự cố ngập úng: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước tạm thời xung quanh diện tích dự án. Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu chưa sử dụng tại công trường. Che chắn phủ kín bãi tập kết để tránh nguyên, vật liệu cuốn theo nước mưa. Thường xuyên nạo vét tuyến mương xung quanh.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý môi trường. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống van xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa, khắc phục xong, nước thải các bể được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải kéo dài không thể khắc phục thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Sự cố cháy nổ: Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Giám sát không khí xung quanh*

+ Vị trí quan trắc: Khu vực cổng ra vào của công trường;

+ Thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

+ Tần suất: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công xây dựng

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- *Giám sát nước thải thi công*

+ Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺, N_{tổng}, P_{tổng}, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Fe, Mn.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mức B, giá trị C_{max}.

- *Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại*

+ Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

- Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

+ Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

+ Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định

báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của dự án./.